

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 03 - 3 - 2022

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Tuyết Nhung

Ông Bùi Quý Khiêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 03 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2022 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2022 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Số nhà x, ấp L, xã H, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh Huang, Sheng – M, sinh năm 1989.

Địa chỉ: lộ N, khóm 012, B, khu C, thành phố Đ, Đài Loan.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện ngày 30 tháng 6 năm 2021 và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Cẩm T trình bày:

Về hôn nhân: Chị T và anh Huang, Sheng – M tự nguyện tìm hiểu nhau thời gian khoảng 05 tháng thì cả hai đồng ý đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Tháp cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 100 ngày 13/11/2017. Sau khi kết hôn, do bận việc gia đình anh Huang, Sheng – M trở về Đài Loan, còn chị T vẫn đi học và làm việc tại Việt Nam, vợ chồng liên lạc với nhau qua mạng xã hội facebook. Khoảng tháng 3/2018 chị T sang Đài Loan đăng ký thủ tục nhập cư

và sinh sống cùng chồng trong thời gian khoảng 01 tháng rồi trở lại Việt Nam. Khoảng tháng 5/2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không còn phù hợp với nhau, có nhiều khác biệt trong quan điểm sống, cách sống nên vợ chồng không hàn gắn tình cảm, không liên lạc với nhau và ly thân từ đó cho đến nay. Chị T nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T thỏa thuận với anh Huang, Sheng – M thống nhất ly hôn. Nay chị T yêu cầu được ly hôn với anh Huang, Sheng – M.

Về con chung, chia tài sản và nợ chung: Chị T xác định vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung và không có nợ chung.

Văn bản ý kiến ngày 05/7/2021 anh Huang, Sheng – M trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2017 anh Huang, Sheng – M và chị T đăng ký kết hôn với nhau theo Giấy chứng nhận kết hôn số 100 do Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 13/11/2017. Sau khi kết hôn đến nay, vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên sống ly thân khoảng 04 năm, hiện nay không còn liên lạc nhau. Anh Huang, Sheng – M nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Huang, Sheng – M đồng ý ly hôn với chị T.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung, không có ý kiến và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị T là công dân Việt Nam, đang sinh sống và có địa chỉ tại xã Long Hậu, huyện V, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam khởi kiện xin ly hôn với anh Huang, Sheng-M. Anh Huang, Sheng – M có quốc tịch Trung Quốc (Đài Loan) (Taiwanese) là công dân nước ngoài, đang sinh sống và có địa chỉ tại thành phố Tân Bắc, Đài Loan. Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định quan hệ pháp luật “Ly hôn”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa gia đình và người chưa thành niên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp và áp dụng pháp luật Việt Nam để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 2 Điều 38 và điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Ngày 05/7/2021 anh Huang, Sheng – M có đơn xin xét xử vắng mặt phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Huang, Sheng – M theo quy định.

[3] Về hôn nhân: Chị T và anh Huang, Sheng – M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Tháp cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 13/11/2017 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng sống ly thân khoảng 5/2018 cho đến nay, không còn liên lạc với nhau, không mong muốn hàn gắn được tình cảm vợ chồng, hôn nhân không hạnh phúc. Chị T khởi kiện xin ly hôn được anh Huang,

Sheng – M đồng ý là có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T.

[4] Về nuôi con, chia tài sản: Chị T xác định vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung, còn anh Huang, Sheng – M có văn bản ghi ý kiến gửi đến Tòa án nhưng không xác định vợ chồng có con chung, tài sản chung hay không. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị T và anh Huang, Sheng – M thống nhất xác định vợ chồng không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không có.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 2 Điều 38, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Cẩm T.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Cẩm T ly hôn với anh Huang, Sheng – M.

2. Về nuôi con: Không xem xét giải quyết.

3. Về chia tài sản: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Cẩm T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0004586 ngày 24/01/2022 tại Cục T hành án Dân sự tỉnh Đồng Tháp. Chị T đã nộp xong tiền án phí sơ thẩm.

6. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án của Tòa án cấp sơ thẩm lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Huang, Sheng – M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh;
- Cục THADS Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA TAT
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT (Hàng).

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Huỳnh Kim Oanh